

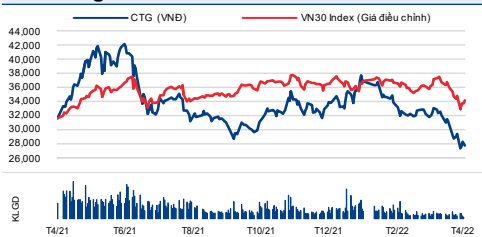
Mua vào

Giá mục tiêu: VND42,900
 Tiềm năng tăng/giảm: 54.6%

| | |
|--|-----------------------|
| Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2022) | 27,750 |
| Mã Bloomberg | CTG VN |
| Giá cao/thấp 52 tuần (đ) | 27,350-42,148 |
| GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ) | 27,850 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ đ) | 133,360 |
| Vốn hóa trị trường (tr.USD) | 5,807 |
| Slg CP lưu hành (tr.đv) | 4,806 |
| Slg CP NN được sở hữu (tr.đv) | 1,442 |
| Slg CP NN được mua (tr.đv) | 204 |
| Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN | 30.0% |
| Tỷ lệ sở hữu của NN | 25.8% |
| Tỷ lệ freefloat | 15.8% |
| Cổ đông lớn | NHNN Việt Nam (64.5%) |

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

| Cuối năm: Thg12 | 12-21A | 12-22F | 12-23F |
|----------------------------------|--------|--------|--------|
| Tổng tài sản (nghìn tỷ đồng) | 1,532 | 1,691 | 1,863 |
| Dư nợ cho vay (nghìn tỷ đồng) | 1,131 | 1,261 | 1,399 |
| Tổng thu nhập HĐ (nghìn tỷ đồng) | 53.2 | 61.6 | 69.4 |
| Lợi nhuận thuần (nghìn tỷ đồng) | 14.1 | 20.8 | 25.3 |
| BVPS (đồng) | 19,342 | 22,251 | 26,081 |
| EPS (đồng) | 2,932 | 4,335 | 5,262 |
| DPS (đồng) | 800 | 800 | 800 |
| Tăng trưởng dư nợ cho vay (%) | 11.4 | 11.5 | 11.0 |
| Tăng trưởng tổng thu nhập HĐ (%) | 17.2 | 15.9 | 12.6 |
| Tăng trưởng EPS (%) | 2.69 | 47.9 | 21.4 |
| Tăng trưởng DPS (%) | 60.0 | 0 | 0 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 27.3 | 18.5 | 15.2 |
| ROAE (%) | 15.8 | 20.8 | 21.8 |
| ROAA (%) | 0.98 | 1.29 | 1.42 |
| Tỷ lệ NIM (%) | 3.10 | 3.18 | 3.25 |
| Tỷ lệ CIR (%) | 32.3 | 31.0 | 30.6 |
| Hệ số CAR (%) | 8.50 | 8.26 | 8.64 |
| Tỷ lệ nợ xấu (%) | 1.26 | 1.31 | 1.32 |
| LLR/nợ xấu (%) | 180 | 143 | 139 |
| Hệ số LDR (%) | 97.3 | 96.9 | 96.0 |
| P/B (lần) | 1.43 | 1.25 | 1.06 |
| P/E (lần) | 9.47 | 6.40 | 5.27 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 2.88 | 2.88 | 2.88 |

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietinbank là ngân hàng vốn nhà nước lớn thứ ba về quy mô dư nợ cho vay.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA
 Trưởng Phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
 ha.plien@hsc.com.vn
 +84 24 3933 4693 Ext. 4852

KQKD Q1/2022: lợi nhuận giảm 28% từ nền cao

- Lợi nhuận thuần Q1/2022 của CTG giảm 27,8% xuống còn 4.664 tỷ đồng từ nền cao cùng kỳ nhưng tăng mạnh so với quý trước (tăng 60%). Lợi nhuận Q1/2022 thấp hơn kỳ vọng một chút và hoàn thành 22,4% dự báo của HSC cho cả năm 2022.
- Tín dụng tăng mạnh (tăng 9,1% so với đầu năm) nhưng tỷ lệ NIM giảm 28 điểm cơ bản so với quý trước còn 2,66%. Chất lượng tài sản cải thiện (tỷ lệ nợ xấu là 1,25% và hệ số LLR là 197%).
- HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2022

CTG đã công bố KQKD Q1/2022 với lợi nhuận thuần giảm 27,8% so với cùng kỳ xuống 4.664 tỷ đồng từ nền cao của Q1/2021. Tổng thu nhập HĐ tăng trưởng khiêm tốn (tăng 8,9% so với cùng kỳ) và chi phí HĐ được kiểm soát tốt (tăng 8,8% so với cùng kỳ) nhưng chi phí dự phòng tăng mạnh đã ăn vào lợi nhuận (tăng 228% so với cùng kỳ).

Tín dụng tăng trưởng mạnh...

Tổng tín dụng Q1/2022 tăng 9,1% so với đầu năm đạt 1,245 triệu tỷ đồng với cho vay khách hàng tăng 8,7% và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp tăng 45%. Tăng trưởng tín dụng Q1/2022 của CTG cao hơn nhiều so với bình quân ngành là 5,04% và cũng cao hơn kỳ vọng của HSC. Hạn mức tăng trưởng tín dụng hiện tại của CTG là 10%.

Tại thời điểm cuối Q1/2022, trái phiếu doanh nghiệp chỉ chiếm 1,26% tổng tín dụng, thấp hơn mức bình quân ngành khoảng 3,3%. Về cho vay khách hàng, động lực tăng trưởng trong Q1/2022 là cho vay khách hàng cá nhân (tăng 14% so với đầu năm) và DNNVV (tăng 9,2% so với đầu năm), trong khi cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn chỉ tăng 3,2% so với đầu năm. Trong khi đó, tăng trưởng tiền gửi khách hàng thấp hơn tăng trưởng tín dụng, chỉ tăng 4,4% so với đầu năm. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn ổn định ở 20,2%. HSC kỳ vọng CTG có thể nâng được tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn lên 22-24% vào cuối năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q1/2022 của CTG

| Tỷ đồng | Q1/21 | Q1/22 | % y/y | Dự báo HSC 2022 | % dự báo HSC |
|------------------------------|---------------|---------------|---------------|-----------------|--------------|
| Thu nhập lãi thuần | 10,642 | 10,146 | -4.7% | 48,777 | 20.8% |
| Thu nhập ngoài lãi | 2,280 | 3,924 | 72.1% | 12,827 | 30.6% |
| Lãi thuần HĐ dịch vụ | 1,283 | 1,278 | -0.4% | 6,982 | 18.3% |
| Lãi thuần HĐ KD ngoại hối | 340 | 784 | 130.2% | 1,994 | 39.3% |
| Lãi thuần mua bán trái phiếu | 67 | (176) | na | 632 | -27.9% |
| Thu nhập khác | 439 | 1,878 | 328.1% | 2,718 | 69.1% |
| Thu nhập từ góp vốn cổ phần | 151 | 161 | 6.7% | 501 | 32.2% |
| Tổng thu nhập HĐ | 12,923 | 14,070 | 8.9% | 61,604 | 22.8% |
| Chi phí hoạt động | (3,512) | (3,821) | 8.8% | (19,081) | 20.0% |
| Lợi nhuận trước TLDP | 9,410 | 10,249 | 8.9% | 42,524 | 24.1% |
| Chi phí dự phòng | (1,350) | (4,427) | 227.9% | (16,317) | 27.1% |
| LNTT | 8,060 | 5,822 | -27.8% | 26,207 | 22.2% |
| Lợi nhuận thuần | 6,462 | 4,664 | -27.8% | 20,833 | 22.4% |

Nguồn: CTG, HSC

... nhưng tỷ lệ NIM giảm

Tỷ lệ NIM giảm 28 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,66% vì lợi suất gộp (giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước xuống 5,8%) giảm trong khi chi phí huy động vẫn ổn định ở 3,27%. Ban lãnh đạo kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ hồi phục nhẹ từ Q2/2022. HSC cũng dự báo tỷ lệ NIM bình quân năm 2022 sẽ tăng nhẹ 8 điểm cơ bản lên 3,18%.

Theo đó, thu nhập lãi thuần giảm còn 10.146 tỷ đồng (giảm 4,7% so với cùng kỳ), thấp hơn 8% so với dự báo của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng tích cực

Tổng thu nhập ngoài lãi Q1/2022 tăng 72% so với cùng kỳ đạt 3.925 tỷ đồng, chủ yếu nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối (tăng 130% so với cùng kỳ) và thu nhập khác (tăng 328% so với cùng kỳ) tăng mạnh. HSC ước tính CTG đã ghi nhận khoảng 1.000 tỷ đồng phí bancassurance trả trước. Những khoản mục khác như lãi thuần HĐ dịch vụ (giảm 0,4% so với cùng kỳ) và lãi mua bán trái phiếu chỉ đạt kết quả khiêm tốn.

CTG mới chỉ mới bắt đầu bán độc quyền hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho Manulife kể từ tháng 2/2022. Đồng thời, Ngân hàng đã áp dụng chính sách miễn phí giao dịch từ đầu năm 2022 để thu hút tiền gửi không kỳ hạn, nên lãi thuần HĐ dịch vụ Q1/2022 chỉ ở mức khiêm tốn là có thể hiểu được. HSC kỳ vọng doanh số bancassurance trong những tháng còn lại của năm 2022 sẽ tăng trưởng và là động lực quan trọng đóng góp vào lãi thuần HĐ dịch vụ.

Chi phí HĐ được kiểm soát tốt

Tổng chi phí HĐ Q1/2022 tăng 8,8% so với cùng kỳ (giảm 34,5% so với quý trước) xuống còn 3.821 tỷ đồng. Theo đó, hệ số CIR Q1/2022 giảm xuống còn 27,2% (từ 32,3% trong năm 2021), cho thấy hiệu quả HĐ được cải thiện. Cho năm 2022, chúng tôi dự báo chi phí HĐ tăng 11% và hệ số CIR giảm nhẹ xuống 31%.

Áp lực đối với chất lượng tài sản giảm bớt

Tổng nợ xấu tăng 7% so với quý trước lên 15.322 tỷ đồng với tỷ lệ nợ xấu mới hình thành là 0,22% và CTG không xóa nợ trong Q1/2022. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng giữ nguyên ở 1,25%.

Chi phí dự phòng tăng mạnh 228% so với cùng kỳ lên 4.427 tỷ đồng từ nền thấp trong Q1/2021 nhưng vẫn xấp xỉ những quý trước. Chi phí tín dụng theo năm là 1,57%; cao hơn dự báo của HSC cho năm 2022 là 1,36%. Ban lãnh đạo dự tính chi phí dự phòng năm 2022 ít nhất là 15 nghìn tỷ đồng so với dự báo của chúng tôi là 16,3 nghìn tỷ đồng.

Hệ số LLR tiếp tục tăng lên 197% (từ 180% tại thời điểm cuối năm 2021), cao hơn so với dự báo của HSC. Chúng tôi tin rằng kết quả Q1/2022 cho thấy sự cải thiện dần ở chất lượng tài sản. Trên thực tế, HSC dự báo hệ số LLR giảm về 143% vào cuối năm 2022.

Kế hoạch kinh doanh thận trọng như thường lệ

CTG đã tổ chức ĐHCĐTN vào ngày 29/4. Cổ đông đã tham dự đông đủ và thông qua toàn bộ các tờ trình. Dưới đây là những ghi nhận chính tại Đại hội:

Kế hoạch kinh doanh năm 2022 thận trọng, gồm: tăng trưởng tài sản 5-10%; tăng trưởng tín dụng dựa trên hạn mức của NHNN (hiện là 10%); tăng trưởng huy động 8-10%; và tăng trưởng LNTT 15%.

Kế hoạch LNTT của CTG thấp hơn nhiều so với dự báo của HSC (tăng trưởng 49%). Tuy nhiên, chúng tôi thấy kế hoạch của ban lãnh đạo tại các NHTM có vốn nhà nước thường sẽ đặt thấp và không có nhiều ý nghĩa về mặt phân tích.

Thông tin về cổ tức (tỷ lệ và hình thức chi trả) chưa xác định (phụ thuộc vào sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền). Tuy nhiên HĐQT chỉ đề xuất chi

trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2021. HSC dự đoán CTG cuối cùng sẽ trả cổ tức tiền mặt (800đ/cp), bằng với năm ngoái bên cạnh cổ tức bằng cổ phiếu.

Duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo

HSC duy trì dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị. Hiện CTG có P/B dự phóng năm 2022 là 1,25 lần; chiết khấu 38% so với BID và 57% so với VCB.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

| Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|-------------------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| Thu nhập lãi | 83.7 | 84.6 | 100.0 | 114 | 128 |
| Chi phí lãi | (48.1) | (42.8) | (51.2) | (58.9) | (66.4) |
| Thu nhập lãi thuần | 35.6 | 41.8 | 48.8 | 55.0 | 61.5 |
| Lãi thuần HD dịch vụ | 4.36 | 4.96 | 6.98 | 8.29 | 9.97 |
| Lãi thuần HD KDNH | 2.00 | 1.81 | 1.99 | 2.19 | 2.19 |
| Lãi/lỗ từ mua bán CK | 0.96 | 0.72 | 0.63 | 0.56 | 0.51 |
| Thu nhập từ góp vốn, mua cp | 0.52 | 0.48 | 0.50 | 0.53 | 0.55 |
| Thu nhập khác | 1.93 | 3.40 | 2.72 | 2.85 | 3.00 |
| Tổng thu nhập HD | 45.4 | 53.2 | 61.6 | 69.4 | 77.7 |
| Chi phí HD | (16.1) | (17.2) | (19.1) | (21.2) | (23.5) |
| LN trước dự phòng | 29.3 | 36.0 | 42.5 | 48.2 | 54.1 |
| Chi phí dự phòng | (12.2) | (18.4) | (16.3) | (16.4) | (16.0) |
| Lãi/lỗ từ Cty LD,LK | - | - | - | - | - |
| LNTT | 17.1 | 17.6 | 26.2 | 31.8 | 38.2 |
| Chi phí thuế TNDN | (3.33) | (3.37) | (5.24) | (6.36) | (7.63) |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | (0.07) | (0.13) | (0.13) | (0.14) | (0.15) |
| Lợi nhuận thuần | 13.7 | 14.1 | 20.8 | 25.3 | 30.4 |
| EPS (đồng) | 2,855 | 2,932 | 4,335 | 5,262 | 6,321 |
| DPS (đồng) | 500 | 800 | 800 | 800 | 800 |
| Slg CP bình quân (triệu đv) | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 |
| Slg CP cuối kỳ (triệu đv) | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 |
| Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv) | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 | 4,806 |

| Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng) | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|--------------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Tài sản | | | | | |
| Tiền & tương đương tiền | 9.93 | 11.3 | 12.4 | 14.7 | 16.1 |
| Tiền gửi tại NHNN | 57.6 | 23.4 | 26.0 | 32.1 | 38.5 |
| Tiền gửi tại các TCTD khác | 103 | 149 | 157 | 165 | 173 |
| Chứng khoán kinh doanh | 5.60 | 2.48 | 2.61 | 2.85 | 3.19 |
| Các công cụ tài chính phái sinh | 0.14 | 1.45 | 1.60 | 1.76 | 1.94 |
| Số dư cho vay thuần | 1,003 | 1,105 | 1,237 | 1,374 | 1,513 |
| Tổng dư nợ cho vay | 1,015 | 1,131 | 1,261 | 1,399 | 1,539 |
| Dự phòng rủi ro | (12.6) | (25.8) | (23.6) | (25.6) | (26.3) |
| Chứng khoán đầu tư | 115 | 178 | 191 | 207 | 226 |
| CK đầu tư sẵn sàng để bán | 113 | 175 | 189 | 205 | 223 |
| CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 2.62 | 2.70 | 2.69 | 2.69 | 2.69 |
| Dự phòng rủi ro | (0.35) | (0.13) | (0.26) | (0.22) | (0.19) |
| Đầu tư dài hạn | 3.34 | 3.29 | 3.29 | 3.29 | 3.29 |
| Tài sản cố định | 10.8 | 10.5 | 10.3 | 10.1 | 9.94 |
| Tài sản khác | 33.8 | 47.4 | 49.8 | 52.3 | 54.9 |
| Tổng tài sản | 1,342 | 1,532 | 1,691 | 1,863 | 2,040 |
| Nợ phải trả | 1,256 | 1,438 | 1,583 | 1,736 | 1,890 |
| Tiền gửi của NHNN | 44.6 | 33.3 | 35.0 | 36.7 | 38.5 |
| Tiền gửi của các TCTD khác | 129 | 139 | 133 | 117 | 110 |
| Tổng tiền gửi KH | 990 | 1,162 | 1,301 | 1,457 | 1,603 |
| Trái phiếu và CCTG | 59.9 | 64.5 | 74.2 | 85.3 | 98.1 |
| Nợ khác | 32.7 | 39.5 | 39.6 | 39.7 | 39.9 |
| Vốn chủ sở hữu | 84.8 | 93.0 | 107 | 125 | 148 |
| Vốn điều lệ | 37.2 | 48.1 | 48.1 | 48.1 | 48.1 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 8.97 | 8.97 | 8.97 | 8.97 | 8.97 |
| Lợi nhuận giữ lại | 26.5 | 22.0 | 32.8 | 47.7 | 66.5 |
| Quỹ & vốn khác của CSH | 12.1 | 13.9 | 17.1 | 20.6 | 25.0 |
| Lợi ích cổ đông thiểu số | 0.60 | 0.69 | 0.83 | 0.97 | 1.11 |
| Tổng nợ phải trả và vốn CSH | 1,342 | 1,532 | 1,691 | 1,863 | 2,040 |
| BVPS (đồng) | 17,654 | 19,342 | 22,251 | 26,081 | 30,900 |

| Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số tăng trưởng | | | | | |
| Tăng trưởng tổng TS (%) | 8.12 | 14.2 | 10.4 | 10.2 | 9.49 |
| Tăng trưởng cho vay KH (%) | 8.56 | 11.4 | 11.5 | 11.0 | 10.00 |
| Tăng trưởng huy động KH (%) | 10.9 | 17.3 | 12.0 | 12.0 | 10.0 |
| Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%) | 10.6 | 16.8 | 12.2 | 12.2 | 10.3 |
| Tăng trưởng VCSH (%) | 10.5 | 9.57 | 15.0 | 17.2 | 18.5 |
| Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%) | 7.17 | 17.5 | 16.7 | 12.7 | 11.8 |
| Tăng/giảm chi phí hoạt động (%) | 2.13 | 6.95 | 11.0 | 11.1 | 11.1 |
| Tăng trưởng LN trước dự phòng (%) | 18.2 | 22.8 | 18.2 | 13.3 | 12.4 |
| Tăng trưởng LNTT (%) | 45.3 | 2.74 | 49.0 | 21.3 | 20.0 |
| Tăng trưởng LN thuần (%) | 45.0 | 2.69 | 47.9 | 21.4 | 20.1 |
| Chỉ số hiệu quả | | | | | |
| TN HD/Tổng TS BQ (%) | 3.51 | 3.70 | 3.82 | 3.90 | 3.98 |
| Chi phí/Tổng TS bình quân (%) | (1.24) | (1.20) | (1.18) | (1.19) | (1.21) |
| TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%) | 93.4 | 93.9 | 95.3 | 95.2 | 95.2 |
| Tổng TN HD/nhân viên (tỷ đồng) | 1.85 | 2.11 | 2.40 | 2.65 | 2.91 |
| LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng) | 11.3 | 11.6 | 17.2 | 20.9 | 25.1 |
| Chỉ số định giá | | | | | |
| P/E (lần) | 9.72 | 9.47 | 6.40 | 5.27 | 4.39 |
| P/B (lần) | 1.57 | 1.43 | 1.25 | 1.06 | 0.90 |
| Lợi suất cổ tức (%) | 1.80 | 2.88 | 2.88 | 2.88 | 2.88 |

| Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác | 12-20A | 12-21A | 12-22F | 12-23F | 12-24F |
|----------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Chỉ số lợi nhuận | | | | | |
| TN thuần/Tổng TN HD (%) | 30.2 | 26.5 | 33.8 | 36.5 | 39.1 |
| ROAA (%) | 1.06 | 0.98 | 1.29 | 1.42 | 1.56 |
| ROAE (%) | 17.0 | 15.8 | 20.8 | 21.8 | 22.2 |
| Chi phí huy động BQ (%) | 4.09 | 3.27 | 3.48 | 3.63 | 3.74 |
| Lợi suất góp BQ (%) | 6.94 | 6.28 | 6.51 | 6.73 | 6.88 |
| Lợi suất thuần (%) | 2.85 | 3.01 | 3.03 | 3.09 | 3.14 |
| Tỷ lệ NIM (%) | 2.95 | 3.10 | 3.18 | 3.25 | 3.31 |
| TN lãi thuần/Tổng TN HD (%) | 9.62 | 9.33 | 11.3 | 11.9 | 12.8 |
| Lãi thuần HD DV/Tổng TN HD (%) | 78.4 | 78.6 | 79.2 | 79.2 | 79.1 |
| TN ngoài lãi khác/Tổng TN HD (%) | 21.6 | 21.4 | 20.8 | 20.8 | 20.9 |
| Tỷ lệ CIR (%) | 35.4 | 32.3 | 31.0 | 30.6 | 30.3 |
| Tỷ lệ LN thuần trả CT (%) | 17.5 | 27.3 | 18.5 | 15.2 | 12.7 |
| Chỉ số an toàn vốn | | | | | |
| Hệ số CAR (%) | 8.50 | 8.50 | 8.26 | 8.64 | 9.18 |
| VCSH/Tổng TS (%) | 6.32 | 6.07 | 6.32 | 6.73 | 7.28 |
| Đòn bẩy vốn (lần) | 15.8 | 16.5 | 15.8 | 14.9 | 13.7 |
| Chỉ số chất lượng tài sản | | | | | |
| Tỷ lệ nợ xấu (%) | 0.94 | 1.26 | 1.31 | 1.32 | 1.32 |
| Hệ số LLR (%) | 132 | 180 | 143 | 139 | 130 |
| Chỉ số thanh khoản | | | | | |
| Hệ số LDR (%) | 103 | 97.3 | 96.9 | 96.0 | 96.0 |
| Vay liên NH/ Tổng huy động (%) | 10.9 | 10.2 | 8.83 | 7.07 | 6.09 |
| Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%) | 75.7 | 73.8 | 74.6 | 75.1 | 75.5 |
| Quy mô | | | | | |
| Số chi nhánh, phòng GD | 1,210 | 1,210 | 1,210 | 1,210 | 1,210 |
| Số lượng nhân viên | 24,480 | 25,154 | 25,657 | 26,170 | 26,694 |

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn